

Số: 949/2026/QĐST-HNGĐ.

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 878/2026/TLST-HNGĐ ngày 17-6-2026 về ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hữu M**, sinh năm 1971.

Số định danh cá nhân: 038071004250.

Hộ khẩu thường trú: **TDP Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội**. Địa chỉ nơi ở: **Số F, ngõ A đường T, phường Đ, thành phố Hà Nội**.

- Bị đơn: Bà **Đỗ Thị Bích L**, sinh năm 1978.

Số định danh cá nhân: 00117801687.

Hộ khẩu thường trú: **TDP Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội**. Địa chỉ nơi ở: **Số F, ngõ A đường T, phường Đ, thành phố Hà Nội**.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25-6-2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn và hoà giải thành ngày 25-6-2026 là tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn và hoà giải thành nhưng đương sự không thay đổi ý kiến về nội dung đã thỏa thuận.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông **Nguyễn Hữu M** và bà **Đỗ Thị Bích L**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của đương sự như sau:

- Về con chung: Ông **Nguyễn Hữu M** và bà **Đỗ Thị Bích L** sinh được 02 con chung là **Nguyễn Hữu Đ**, sinh ngày 24-12-2003 và **Nguyễn Hữu A**, sinh ngày 17-9-2005 đều đã trên 18 tuổi, thể chất và tinh thần phát triển bình thường nên không đặt ra trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

- Về tài sản: Nhà đất tại địa chỉ Xóm A A, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 988542 do UBND huyện T cấp ngày 19-10-2011 mang tên ông Nguyễn Hữu M. Nhà đất có nguồn gốc của ông Nguyễn Hữu M được tặng cho riêng. Bà Đỗ Thị Bích L xác nhận nhà đất nêu trên là tài sản riêng của ông Nguyễn Hữu M theo Văn bản công chứng của Văn phòng C ngày 12-9-2011. Quá trình sử dụng, ông Nguyễn Hữu M và bà Đỗ Thị Bích L tu sửa nhà nhiều lần. Tuy nhiên, ông Nguyễn Hữu M và bà Đỗ Thị Bích L tự nguyện không yêu cầu phân chia tài sản, công sức trong vụ án mà để thời điểm thích hợp sẽ làm thủ tục tặng cho 02 con chung đối với nhà đất nêu trên, nên Toà án nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội không giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Hữu M và bà Đỗ Thị Bích L xác định trong thời kỳ hôn nhân không phát sinh nghĩa vụ dân sự nên không yêu cầu nên Toà án nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội giải quyết.

II. Về án phí ly hôn: Ông Nguyễn Hữu M tự nguyện nhận nộp toàn bộ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ toàn bộ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0014677 ngày 17-6-2026 của Thi hành án dân sự Hà Nội. Ông Nguyễn Hữu M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 – Hà Nội.
- Phòng THADS Khu vực 4 – Hà Nội.
- UBND phường Đông Ngạc.
- Ông Nguyễn Hữu Mai.
- Bà Đỗ Thị Bích Lộc.
- Lưu HS/VPTA.

Thẩm phán

Lê Trí Cường